

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2018/TLST-DS ngày 24/01/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại A; địa chỉ: Lầu 8 Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị H – Nhân viên Ngân hàng; địa chỉ: Lầu 8 Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 427/UQ-QLN.18 ngày 23/3/2018)

Bị đơn: Bà Đặng Trần Tuyết T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 502/37/54 đường H, Khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thúy A, sinh năm 1996;
2. Ông Ngô Quốc H, sinh năm 1996;
3. Ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1978;
4. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1984;
5. Trẻ Đoàn Bảo L, sinh năm 2002;
6. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1984;
7. Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1984;
8. Ông Dương Thế Đ, sinh năm 1984;
9. Bà Phạm Lương Bạch T, sinh năm 1990;
10. Ông Trương Tuấn K, sinh năm 1988;
11. Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1992;

12. Bà Lê Thị Thanh L, sinh năm 1989;

13. Bà Dương Thị Thanh P, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số 502/37/54 đường H, Khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố H.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các bên xác nhận có ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số HBT.CN.212.100316 ngày 10/3/2016 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HBT.CN.211.100316 ngày 10/3/2016, theo đó bà Đặng Trần Tuyết T có vay của Ngân hàng Thương mại A số tiền là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng.

2. Tính đến ngày 21/12/2018, bà Đặng Trần Tuyết T còn nợ Ngân hàng Thương mại A số tiền là 4.601.086.405 (Bốn tỷ, sáu trăm lẻ một triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ năm) đồng. Ngân hàng Thương mại A đồng ý giảm lãi cho bà Trinh số tiền là 684.067.398 (Sáu trăm tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi tám) đồng. Công nhận bà Đặng Trần Tuyết T còn nợ Ngân hàng Thương mại A tính đến ngày 21/12/2018 là 3.917.019.007 đồng (Ba tỷ chín trăm mười bảy triệu không trăm mười chín ngàn không trăm lẻ bảy đồng), trong đó tiền gốc là 3.417.381.332 đồng, tiền lãi 499.637.675 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HBT.CN.212.100316 ngày 10/3/2016 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HBT.CN.211.100316 ngày 10/3/2016.

3. Ngân hàng Thương mại A đồng ý cho bà Đặng Trần Tuyết T trả số tiền nợ gốc và lãi tính tạm tính đến ngày 21/12/2018 là 3.917.019.007 đồng (Ba tỷ chín trăm mười bảy triệu không trăm mười chín ngàn không trăm lẻ bảy đồng) trong thời hạn 02 (hai) tháng, hạn cuối trả nợ là ngày 31/3/2019.

Kể từ ngày 22/12/2018, bà Đặng Trần Tuyết T còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại A theo mức lãi suất 7.2%/năm trên số dư nợ gốc thực nợ cho đến ngày 31/03/2019. Điều kiện để việc miễn, giảm lãi suất có hiệu lực là bà Đặng Trần Tuyết T phải thanh toán toàn bộ vốn gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại A hạn chót là ngày 31/03/2019.

Trường hợp bà Đặng Trần Tuyết T vi phạm việc thanh toán số nợ trên hoặc không thanh toán đầy đủ số nợ trên theo đúng thời hạn đã cam kết hạn cuối vào ngày 31/3/2019 thì Ngân hàng Thương mại A không giảm số tiền lãi suất 684.067.398 (Sáu trăm tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm chín tám) đồng và đồng thời không áp dụng mức lãi suất 7.2%/năm đối với khoản vay của bà Trinh. Bà Trinh phải trả cho Ngân hàng Thương mại A số tiền tạm tính đến ngày 21/12/2018 là 4.601.086.405 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 22/12/2018 cho đến khi bà Trinh trả dứt nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết đồng thời Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo theo hiện trạng là căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số Số 502/37/54 đường H, Khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HBT.BĐCN.107.100316 ngày 10/03/2016 và ngày 11/03/2016 được công chứng tại Văn phòng công chứng

Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng 002712, vào quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/03/2016.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của bà Đặng Trần Tuyết T mà vẫn còn dư thì bà Đặng Trần Tuyết T được nhận số tiền dư này.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ tiền trả nợ thì bà Đặng Trần Tuyết T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại A cho đến khi trả xong.

Ngay sau khi bà Đặng Trần Tuyết T thanh toán hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại A thì Ngân hàng Thương mại A có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Trần Tuyết T toàn bộ bản chính Giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ số 502/37/54 đường H, Khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố H cho bà Đặng Trần Tuyết T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Trần Tuyết T tự nguyện chịu là 55.170.190 (Năm mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi ngàn, một trăm chín mươi) đồng.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.905.205 (Năm mươi một triệu, chín trăm lẻ năm ngàn, hai trăm lẻ năm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0024028 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ. (TK.Thom)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Phương